

**QUÁ TRÌNH TỰ CƯ LẬP LÀNG KHU VỰC THÀNH
HÓA CHÂU QUA TIẾP CẬN GIA PHẢ MỘT SỐ DÒNG
HỌ KHAI CANH, KHAI THÁC - TRƯỜNG HỢP CÁC
LÀNG KIM ĐÔI, THÀNH TRUNG VÀ PHÚ LƯƠNG
(Process of village establishment in Hoa Chau citadel area
through research on the annals of the first families in the
villages: Kim Doi, Thanh Trung and Phu Luong)^(*)**

Xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nguyên thuộc xã Quảng Lộc trước năm 1975 và xã Quảng Đại trong kháng chiến chống Pháp; trước năm 1945 là đất của tổng An Thành, huyện Quảng Điền; trước nữa là đất của huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa.

Tại đây hiện còn lưu lại dấu tích của một ngôi thành cổ. Theo các nhà nghiên cứu thì đây là thành cổ Hóa Châu từ thời Trần, trước đó là thành cổ châu Lý/Rí của Chămpa.

Vừa qua, trong khuôn khổ hợp tác nghiên cứu lịch sử văn hóa Huế giữa Khoa Sử Đại học Khoa học Huế với Đại học Kansai (Nhật Bản), chúng tôi đã có đợt khảo sát điền dã thực địa tại đây từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2009; dưới đây là những kết quả thu nhận được từ tiếp cận gia phả các dòng họ ở các làng Kim Đôi, Thành Trung và Phú Lương.

Xã Quảng Thành hiện bao gồm các làng Kim Đôi, Thành Trung, Tây Thành, Tiền Thành, Phú Ngạn, Thanh Hà, Phú Lương, Quán Cửa, Hòa Xuân, An Thành, Thủy Điền; trong đó có các làng An Thành, Tây Thành, Tiền Thành, Kim đôi, Phú Ngạn, Phú Lương thành lập sớm, có tên trong sách *Ô Châu cận lục* do tiến sĩ Dương Văn An biên soạn vào năm 1555. Đợt này chỉ chọn 2 làng cổ Kim Đôi (tên cũ Sa Đôi) và Phú Lương (tên cũ Đan Lương) cùng với

^(*) Huỳnh Đình Kết, Phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Huế (Researcher Department of Culture, Sport and Tourism of Hue city)

làng Thành Trung là đơn vị nằm gọn bên trong thành cổ để tiến hành khảo sát gia phả.

Làng Kim Đôi

Kim Đôi nguyên có tên Sa Đôi, là 1 trong 53 làng (xã) của huyện Đan Điền vào thế kỷ XVI, đến thế kỷ XVIII đã đổi tên Kim Đôi, là 1 trong 10 làng (xã) của tổng Yên Thành, huyện Quảng Điền, phủ Triệu Phong.

Số gia phả đã khảo sát là 3 họ: Nguyễn (Đình), Trương (Thế), Dương, là các họ khai canh làng Kim Đôi.

Gia phả họ Dương bị thất lạc bản gốc, chỉ có bản sao, ghi chép đơn giản, chỉ biết đến cư trú tại đây đã được 25 đời tương đương với thời gian từ 500 đến 600 năm, khoảng đầu thế kỷ XVI. Trong họ có người thuộc đời thứ 3 làm việc tại dinh phủ chúa Nguyễn, chức Chánh dinh cai hợp, tước Vân Dật tử.

Gia phả họ Nguyễn Đình tương đối còn nguyên vẹn song cũng bị hư hỏng một phần trong chiến sự năm 1968, ghi chép họ tên đến nay đã truyền được 25 đời, cùng thời với họ Dương nói trên.

Gia phả họ Trương (Thế) là đầy đủ và ghi chép rõ ràng hơn cả, theo đó thì họ này do ông thủy tổ tên là Trương Phu nguyên quán huyện Võ Giang, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Giang vào Nam năm Cảnh Trị nguyên niên (1663), đến đời thứ tư trong họ có một số người làm quan tại Chánh dinh như Chánh dinh đạo sĩ Văn Lộc tử Trương dị huy ông Lự, Chánh dinh đạo lục ty Thuận đạo thông Trương Thế Niên...

Đối chiếu thông tin từ gia phả họ Trương với sự kiện quân Nguyễn do Nguyễn Hữu Dật chỉ huy đánh bật quân Trịnh do Đào Quang Nhiêu chỉ huy ra khỏi bờ nam sông Gianh mùa hè năm Nhâm Dần (1662), bắt được nhiều quân Trịnh đưa về Nam, Trương Phu là một trong số ấy chăng?

Từ những ghi chép của các gia phả khai canh, có thể nêu ý kiến rằng làng Kim Đôi (Sa Đôi) đã được thành lập vào thế kỷ XVII, trên phần đất phía đông, cận bên ngoài thành cổ Hóa Châu.

Làng Phú Lương

Tên cổ là Đan Lương, đến thế kỷ XVIII đã đổi tên thành Phú Lương; tập truyền của dân làng không rõ các họ khai canh, chỉ công nhận 7 họ đồng hàng cùng đến ở sớm nhất trên địa phận của làng Phú Lương là Phan (Đình), Phan (Cảnh), Phan (Văn), Lê, Trần, Nguyễn, Quách; trong đợt này chỉ khảo sát 3 họ là Phan (Đình), Lê, Quách.

Họ Phan (Đình) là dòng họ tiền sĩ Phan Đình Bình khoa Bính Thìn (1856), quê hương của Từ Minh Huệ Hoàng hậu Phan Thị Điều, vợ vua Dục Đức; gia phả ghi chép khá rõ ràng, lưu trữ nhiều tư liệu qua các thời bao gồm cả thời Tây Sơn, nguyên quán ấp Hà Lạc, huyện Tống Giang, phủ Hà Trung, thừa tuyên Thanh Hóa, thủy tổ là Đặc tấn phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm y vệ, Đô chỉ huy sứ ty, Đô chỉ huy chương vệ sự tặng Đạt quận công, thụy Chánh Đức phủ quân, truyền đến nay đã 20 đời, tương đương với 400 đến 500 năm.

Gia phả họ Lê ghi chép khá rõ ràng, thủy tổ có tên Lê Hâm, không rõ nguyên quán, truyền đến nay đã được 19 đời, cùng thời với họ Phan (Đình) nói trên; đây là một dòng họ có nghiệp võ, đời thứ 10 có ông Lê Thế Phúc lúc qua đời được gia tặng Xác kỵ tướng quân Cẩm y chương vệ; đời thứ 11 có ông Lê Thế Điểm được tặng Đặc tấn tráng nam tướng quân trụ quốc Tả quân Đô thống phủ đô thống Định An ty Vĩnh Trung bá...

Họ Quách có nguồn gốc người Hoa, đến cư trú tại đây đã 21 đời, trong họ đến đời thứ 13 có ông Quách Đạo Lâm làm quan đến chức Phó vệ úy.

Trong địa phận làng Phú Lương hiện còn một số di vật, di tích đáng quan tâm như:

- **Bia đá khắc chữ Chăm cổ**: Đã được các học giả Pháp nghiên cứu, phiên dịch và công bố trên tạp chí *BFE*, nội dung như sau:

Mặt A

1. *Chiến thắng tử (Mahadeva), bước chân của Người được chiếu sáng bởi ánh rực rỡ trên vương miện của nhà vua cùng các vị*

thần. Đôi mắt của ngài... gương mặt của thần Uma như hoa sen và đôi mắt của Người thờ ở với mọi sự quyến rũ.

2. Những ai đã bị hạ gục bởi mũi tên Sammohana của thần Cupid. Những ai bị sự u mê trong ba thế giới. Mặc dù thần Cupid lại trở thành tất cả như mọi người, nhưng ngài vẫn làm giảm nhẹ nỗi khổ của mọi tâm hồn bằng cách nhận được những ảnh hưởng của ông ta (thần Siva).

3. Ngài, vị thần sức mạnh Srismabhadreva, người đã ban tặng niềm hạnh phúc và sự thịnh vượng cho thế giới, làm nên sự phát đạt của nhà vua.

4. Ngài được tôn thờ bởi các vị vua, bao quanh Người là những hoa sen như những bàn tay của các vị nữ thần, các vị đế vương và ngài ước ao được chinh phục bảo vệ cho chúng sinh.

5. Đất Chămpa vĩnh hằng, vùng đất được chiếu sáng bởi ánh mặt trời và được bảo vệ bằng những bước đi của thần, bằng sự danh tiếng của nhà vua, giống như mặt trăng mang vẻ đẹp bất diệt trải trên mặt đất. Vùng đất này trở thành vĩ đại bởi sự giàu có và thịnh vượng dẫn đến sự quý phái và đạt được sự kính trọng của đông đảo người dân.

6. Bhadrevarma, chủ nhân của vũ trụ, người luôn luôn tham gia sáng tạo giống như thần Indra, người tạo ra vận mệnh, quyền lực, sự giàu có, sức mạnh, sự anh dũng và thông thái, lòng người dâng cúng sự quyến luyến những phẩm chất cao quý của mình cho tôn giáo, đó là Yudhisitma, Yunitsu cùng với daiyordhan cùng những người khác, những người phục vụ tốt nhất được gọi là Padaraksa.

Mặt B

Trong năm thuộc Saka Dravarma biểu hiện bằng con mắt của thần Siva, Mangala... (cùng với những chi tiết về thiên văn học), Dharmalingesvara. Những người Padaraksa đã lập Lingabinani vạn năng để hướng tới nhà vua tài giỏi bằng trái tim sùng đạo của mình.

(Số 41 Bia ký hiệu số 41).

Cùng với những phần còn lại của nội dung tấm bia đã nêu. Tài liệu còn cho biết những ghi chép trên mảnh vỡ của bia Phú Lương:

“Đó là những lời khẩn cầu... thể hiện sự tôn thờ thần Siva đã được giải mã”.

Bia này có thể thuộc vào thế kỷ IX, (Số 124 LA, 1808, Pari II, p. 360).

(Tài liệu do R.C.Majumclar công bố trên BFE VoL XI)

Vua Bhadrevarma được gọi là Brakiavarman III.

(đối chiếu trong bảng niên biểu các vị vua Champa của Georges Maspero trong sách Vương quốc Champa, Paris, 1928, không thấy có vua Bhadrevarma hay Brakiavarman III, mà chỉ có tên vua Vikrāntavarman III năm 854-TK IX, và các vua Bhadravarman III, năm 1060, vua Rudravarman III, năm 1074, TK XI).

- **Miếu thờ Bà và Hai cậu:** theo tập truyền của dân làng thì đây là miếu thờ một người thiếu nữ đã có công tiêu diệt 2 con mãnh hổ giúp đỡ dân làng, nên dân làng lập miếu thờ bà và 2 con hổ tại đây, bài vị ghi “Phan trinh nữ thần võ tướng công”.

Có một sự kiện khảo cổ đáng lưu ý là vào năm 1995, Viện Khảo cổ học Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu một ngôi mộ thuyền xuất lộ do người dân đào thủy lợi tại xứ Bàn Thang, làng Phú Lương, chủ nhân là một cô gái khoảng 18-23 tuổi, tay còn mang một chiếc nhẫn đã bị ôxy hóa và 1 đoạn kiếm; phải chăng đây là cô gái đã giúp dân diệt hổ được dân làng thờ phụng nói trên?

- **Miếu thờ Trường An bá:** trong làng còn có ngôi miếu thờ Trường An bá, nhân vật thời Mạc, sách *Ô Châu cận lục* chép rằng: “Ông người xã Nghĩa Lộ huyện Đan Điền, xuất thân sinh đồ, có sức khỏe mạnh, làm tướng thần huyện nhà, vì có công đến triều hạ, được bổ tổng tri, tước Trường An bá, sau trở về đánh giặc ở hạt nhà, bị tướng giặc là Phan Nhậm sát hại”¹.

Điều đáng quan tâm là tất cả phần mộ các ngài thủy tổ 6 dòng họ lớp trước của làng đều an táng tại xứ Cồn Sịa, xã Quảng Phước.

¹ Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Bản dịch Bùi Lương, Nxb Văn hóa Á châu, Sài Gòn, 1961, tr. 109.

Cùng các di tích đình làng, chùa làng, miếu thờ Cồn Giàng, miếu thờ khai canh (không rõ họ), miếu thờ Đức Thánh Trần, Quan Công... song đều bị cày xới đổ sập vào những năm chiến tranh 1969-1971.

Với tư liệu trên có thể nêu nhận xét rằng: Làng Phú Lương được thành lập khá sớm, phồn thịnh vào thời Mạc; là địa bàn cận bên ngoài phía tây thành cổ Hóa Châu còn lưu giữ một số di vật, di chỉ liên quan thời kỳ Chăm-pa đến thế kỷ XVI.

Làng Thành Trung

Thành Trung là làng thành lập muộn hơn, không có tên trong sách *Ô Châu cận lục* (năm 1555) và sách *Phủ biên tạp lục* (năm 1776), vào thời Gia Long được xếp là khách phường, có tổng diện tích 34 mẫu, 8 sào, 6 thước, 0 tấc, 5 phân; đến thời Đồng Khánh (chép trong sách *Đồng Khánh sắc chế ngự lãm*) là một ấp của tổng An Thành, huyện Quảng Điền. Làng nằm gọn trong khu vực nội thành của thành cổ, hiện nay là một trong 10 thôn của xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền.

Số gia phả đã khảo sát là 8 họ: Đào, Trần (Văn), Nguyễn (Quang), Trần (Hữu), Bùi, Nguyễn (Đình), Nguyễn (Văn) phe Đông, Nguyễn (Văn) phe Trung. Hầu hết gia phả đều ghi chép rõ ràng, được bảo quản cẩn thận, không mất mát hư hỏng nhiều.

Qua xem xét có thể kết luận rằng các họ đã đến Thành Trung theo 3 mốc thời gian sớm muộn khác nhau:

- Sớm nhất là họ Đào và họ Trần (Văn); bởi vì trong gia phả đều có ghi quê gốc ở Sơn Nam thừa tuyên. Thừa tuyên Sơn Nam bắt đầu được thành lập từ năm 1469, đến năm 1490 đổi là xứ Sơn Nam; năm 1541 chia làm 2 lộ Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Gia phả họ Đào đến nay là 20 đời, gia phả họ Trần (Văn) đến nay là 19 đời, như vậy họ đã sinh sống ở Thành Trung từ 400 đến 500 năm; đến đây sớm nhất là cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI.

- Tiếp theo là các họ Nguyễn (Quang) và Nguyễn (Đình). Bởi vì trong gia phả họ Nguyễn (Quang) ghi “*Sơn Nam Thượng*

xứ... tỵ hổ tông”, nghĩa là quê gốc ở xứ Sơn Nam Thượng, theo chúa Nguyễn Hoàng vào Nam trong lần ông ấy vào Thuận Hóa năm 1600; gia phả họ Nguyễn (Đình) lại ghi quê gốc tỉnh Thanh Hoa, cả hai dòng họ này đến nay đã được 17 đời sinh sống tại Thành Trung khoảng từ 340 đến 400 năm vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII.

- Muộn về sau là các họ Trần (Hữu), Bùi, Nguyễn (Văn) phe Đông và Nguyễn (Văn) phe Trung; trong đó có họ Trần (Hữu) quê ở phủ Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến đời Minh đến Thuận Hóa, ông tổ họ này tên Trần Hữu Hiền, lấy vợ là bà Cảnh (không rõ họ) quê ở làng Kim Đồi, các họ này sinh sống ở đây 15 đời, khoảng 300 đến 370 năm, cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII.

Trong cách biên soạn đều có sự thống nhất là có hai phần; một là “*phổ ông*” chỉ ghi tên những người nam giới trong họ đầy đủ rõ ràng qua các đời, hai là “*phổ cô*” chỉ ghi tên những người nữ giới trong họ.

Trong làng nguyên có một miếu thờ Quan Thánh 3 gian 2 chái quy mô rất to lớn tại phe Tây nhưng đã bị hư hỏng nặng vào năm 1947, hằng năm tế vào ngày 26 tháng 3 Âm lịch. Nay ngôi miếu thờ Quan Thánh được đưa vào bên trong đình làng nhưng với quy mô nhỏ hơn.

Cạnh đình làng là lăng mộ Thành hoàng làng Thế Lại (một làng cổ ở xứ Thuận Hóa), mộ chỉ ghi “Bản xã đương cảnh Thành hoàng Vũ Duệ Hồ đại tướng”, nhân vật này được đề cập trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư*: “Nhâm Tý, Thiệu Khánh năm thứ 3 (1372)... Tháng 5... lấy người Hóa Châu là Hồ Long làm Tri châu Hóa Châu”.²

Một số nhận xét

Qua khảo sát gia phả 14 dòng họ của 3 làng trên địa bàn thành cổ Hóa Châu kết hợp điền dã thực địa, chúng tôi có một số ý kiến như sau:

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 156.

- Hầu hết các dòng họ ở các làng nói trên đã đến định cư tại khu vực này vào khoảng đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII, giai đoạn nhà Mạc suy tàn, các chúa Nguyễn vào trấn trị xứ Thuận Hóa (dời dinh phủ từ Quảng Trị vào Thừa Thiên Huế).

- Mặc dù theo Dương Văn An ghi chép trong *Ô Châu cận lục* rằng vào khoảng năm 1555 khu vực này là trấn trị của phủ Triệu Phong, rất sầm uất: “Thành ở địa phận huyện Đan Điền, sông cái Đan Điền chảy qua phía tây, lại có một dòng sông con chảy vào trong thành, phía hữu con sông ấy la liệt những trường học, nha môn Đô thừa phủ Triệu Phong.

Sông cái Kim Trà rót vào phía nam, đập lớn chăm to ước nghìn vạn khoảnh. Các dòng nước bọc cả bốn bề, giữa có một tòa thành trăm nhán sừng sững như đám mây dài. Đó là nơi địa hình kết hợp, thiên tạo đặt bày vậy. Khoảng năm thứ 5 niên hiệu Đại Tự đời Dụ Tông nhà Trần (1358-1369) sai Đỗ Tử Bình xếp đặt làm dinh quận Lâm Bình, Thuận Hóa mới tu bổ tòa thành này”,³ nhưng không hiểu vì sao họ Nguyễn lại không tiếp tục phát huy thế mạnh của trung tâm đô thị cổ này.

- Căn cứ vào một số di tích, kết quả khảo cổ học và truyền thuyết dân gian tại làng Thành Trung và Phú Lương như trình bày trên thì khu vực này có liên quan đến các thời kỳ lịch sử từ thời Chăm-pa (bia Phú Lương thế kỷ IX) trải qua thời Trần trở về sau, nhưng dấu tích cư trú của cư dân chỉ xác định được là đã có mặt từ thế kỷ XVI (căn cứ gia phả các dòng họ), phải chăng trước đó đây chỉ là nơi đồn trú của các đơn vị quân đội của thành Hóa Châu và trấn trị phủ Triệu Phong?

- Có thể những thông tin từ các gia phả này chưa đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu chung, nhưng cũng đã góp phần làm sáng tỏ giai đoạn từ thế kỷ XVI ở đây vậy.

³ Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Bản dịch của Bùi Lương, Nxb Văn hóa Á châu, Sài Gòn, 1961, tr. 65